

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	04 - 10
3. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT	11 - 13
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	14 - 18
6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT	19 - 20
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	21 - 52

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập ngày 08 tháng 12 năm 2015 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 120/GP-UBCK trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng và giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 05 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ lên 1.470.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo giấy phép thành lập: 1.470.000.000.000 VND

Vốn pháp định: 300.000.000.000 VND

Tên tiếng anh: VPBank Securities Joint Stock Company

Tên giao dịch: Công Ty Chứng Khoán Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Hoạt động chính của Công ty:

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Tp.HCM: Lầu 3, số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng: Số 112 Phan Châu Trinh, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Lâm Dũng	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2017
Ông	Nguyễn Hồng Trường	Thành viên, bãi nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2017
Bà	Kim Ly Huyền	Thành viên
Ông	Indronil Sengupta	Thành viên
Ông	Nguyễn Quang Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà	Lê Thu Minh	Trưởng ban
Bà	Lê Thị Thu	Thành viên
Bà	Phan Thị Lan	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Lâm Dũng

Tổng Giám Đốc

Ông Lê Nam Hưng

Kế toán trưởng, bổ nhiệm ngày 01/07/2017

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông Nguyễn Lâm Dũng

Tổng Giám Đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các Thuyết minh hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN VIỆT NAM
THỊNH VƯỢNG**

NGUYỄN LÂM DŨNG



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: A0617263-HN/AISC-DN6

Kính gửi:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 04 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM VĂN VINH

Số GCNĐKHNT: 0112-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

PHẠM THỊ THANH MAI

Số GCNĐKHNT: 1044-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		6.757.737.452.501	4.455.326.350.123
I.	Tài sản tài chính (110 = 111 → 129)	110		6.729.450.140.341	4.412.788.833.985
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111		1.058.446.227.439	1.273.967.730.710
1.1.	Tiền	111.1		1.040.780.566.196	1.160.467.730.710
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		17.665.661.243	113.500.000.000
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	VI.1	731.636.778.908	372.886.347.966
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		156.259.805.462	133.336.888.795
4.	Các khoản cho vay	114	VI.2	1.213.458.562.384	745.812.258.089
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(13.762.877.182)	(10.309.996.458)
7.	Các khoản phải thu	117		2.062.776.674.298	1.036.697.365.058
7.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		1.807.755.829.106	1.025.773.562.145
7.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		255.020.845.192	10.923.802.913
7.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		255.020.845.192	10.923.802.913
8.	Trả trước cho người bán	118		180.576.061.554	3.166.996.131
9.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		328.776.139	3.516.913.619
10.	Phải thu nội bộ	120		-	-
11.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12.	Các khoản phải thu khác	122		1.351.005.456.183	864.989.654.919
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(11.275.324.844)	(11.275.324.844)
II.	Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 136)	130	VI.5.1	28.287.312.160	42.537.516.138
1.	Tạm ứng	131		18.771.672.164	39.083.344.283
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		60.060.909	120.909.090
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133		1.473.145.112	1.088.288.790
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		7.982.433.975	2.244.973.975
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		-	-
7.	Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN				
	(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		76.048.884.166	35.433.939.028
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		32.100.000.000	600.000.000
1.	Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2.	Các khoản đầu tư	212		32.100.000.000	600.000.000
2.1.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2.	Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4.	Đầu tư dài hạn khác	212.4		32.100.000.000	600.000.000
3.	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
II.	Tài sản cố định	220		18.124.873.393	21.004.455.910
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.3	18.067.292.844	20.883.406.195
	- Nguyên giá	222		48.841.683.353	45.274.446.991
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(30.774.390.509)	(24.391.040.796)
	- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b			
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a		-	-
	- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b			
3.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.4	57.580.549	121.049.715
	- Nguyên giá	228		17.432.786.164	17.432.786.164
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(17.375.205.615)	(17.311.736.449)
	- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b			
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-	-
	- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b			
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	250	VI.5.2	25.824.010.773	13.829.483.118
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		-	-
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252		204.073.011	-
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254		15.590.512.200	13.829.483.118
5.	Tài sản dài hạn khác	255		10.029.425.562	-
6.	Lợi thế thương mại	256		-	-
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.833.786.336.667	4.490.760.289.151

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN			Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		4.972.484.863.131	3.364.809.428.293
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.283.802.574.131	2.292.087.100.293
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	VI.7	1.259.230.555.619	881.549.169.000
1.1.	Vay ngắn hạn	312		1.259.230.555.619	881.549.169.000
1.2.	Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		-	-
2.	Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	315		-	-
4.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5.	Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
7.	Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		548.290.162	-
9.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		634.939.900.000	499.500.000
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		15.378.699.788	6.374.846.131
11.	Phải trả người lao động	323		-	-
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		496.916.073	383.591.732
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.9	77.087.547.888	29.426.340.163
14.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16.	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.9	1.696.805.467	111.094.575.649
18.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		91.118	91.118
20.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		1.294.423.768.016	1.262.758.986.500
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		1.688.682.289.000	1.072.722.328.000
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	341	VI.7	4.682.289.000	2.722.328.000
1.1.	Vay dài hạn	342		4.682.289.000	2.722.328.000
1.2.	Nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	343		-	-
2.	Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	345		-	-
4.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	VI.8	1.684.000.000.000	1.070.000.000.000
5.	Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6.	Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7.	Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8.	Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10.	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11.	Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13.	Quỹ bảo vệ nhà đầu tư	355		-	-
14.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		1.861.301.473.536	1.125.950.860.858
I.	Vốn chủ sở hữu	410		1.861.301.473.536	1.125.950.860.858
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.10	1.470.000.000.000	970.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.470.000.000.000	970.000.000.000
a.	Cổ phiếu phổ thông	411.1a		970.000.000.000	970.000.000.000
b.	Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		500.000.000.000	-
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	411.3		-	-
1.4	Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5	Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4.	Quỹ dự trữ điều lệ	414	VI.12	6.920.405.138	1.533.968.431
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415	VI.12	24.463.163.238	19.076.726.531
6.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.12	359.917.905.160	135.340.165.896
7.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		342.662.948.079	135.340.165.896
7.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		17.254.957.081	-
8.	Lợi ích của cổ đông không nắm quyền kiểm soát	418		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		440		6.833.786.336.667	4.490.760.289.151

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT					
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3.	Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5.	Ngoại tệ các loại	005			
	USD			557,99	509,92
	EUR			261.631,12	261.499
6.	Cổ phiếu đang lưu hành	006		147.000.000	97.000.000
7.	Cổ phiếu quỹ	007			
8.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		21.388.420.000	36.360.390.000
9.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		70.000	-
10.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	10		-	-
11.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	11		-	-
12.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	12		-	256.153.900.000
13.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	13		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG					Số lượng chứng khoán
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		19.676.198.870.000	8.549.573.500.000
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		15.292.519.600.000	4.015.486.260.000
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		104.944.640.000	550.520.000
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		4.161.664.410.000	4.420.163.610.000
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		740.000.000	740.000.000
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		116.330.220.000	112.633.110.000
f.	Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
g.	Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	021.6		-	-
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		68.164.820.000	-
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		67.703.290.000	-
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		461.530.000	-
c.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	24.a		-	-
5.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	24.b		-	-
6.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-
7.	Tiền gửi của khách hàng	026		1.149.249.091.781	304.929.050.736
7.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	VI.6	1.136.206.890.430	304.915.772.327
7.2.	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
7.3.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		-	-
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	-
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	-
7.4.	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		13.042.201.351	13.278.409
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		1.136.217.771.553	304.922.552.736
8.1.	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		1.101.047.819.818	304.452.722.909

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B01 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày
27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2	35.169.951.735	469.829.827
9.	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032	-	-
10.	Phải thu/phải trả khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính.	033	-	-
11.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	034	13.031.320.228	6.498.000

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH TIẾN

LÊ NAM HÙNG

NGUYỄN LÂM DŨNG

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		1.192.777.612.136	1.152.553.173.285
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VII.2.1	1.450.507.906.970	268.644.210.676
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VII.2.1	13.735.148.406	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VII.3.1	(271.465.443.240)	883.908.962.609
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VII.3.1	109.655.726.932	60.923.150.794
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VII.3.1	110.423.677.839	80.849.004.897
1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5 Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6 Doanh thu môi giới chứng khoán	06	VII.1.1	87.300.860.903	43.686.939.529
1.7 Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VII.1.1	1.344.415.110	2.891.069.990
1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VII.1.1	10.864.261.781	38.324.011.807
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		3.077.377.358	3.711.329.071
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VII.1.1	280.202.122.544	156.520.380.000
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11		30.674.338.938	2.768.259.949
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)	20		1.826.320.393.541	1.542.227.319.322
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21	VII.2.2	1.138.182.072.722	1.128.691.791.955
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		1.141.701.881.397	1.098.940.102.716
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2		(3.519.808.675)	29.751.689.239
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24		3.422.091.195	658.659.411
2.5 Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		48.337.328.857	23.391.035.261
2.7 Chi phí môi giới chứng khoán	27	VII.1.2	86.929.332.015	66.444.928.701
2.8 Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	VII.1.2	100.000.000	-
2.9 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	VII.1.2	3.793.311.803	8.174.160.693
2.10 Chi phí lưu ký chứng khoán	30		3.122.189.395	1.459.420.269
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VII.1.2	7.001.384.686	10.728.685.065
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		2.408.809.553	10.854.956.810
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→32)	40		1.293.296.520.226	1.250.403.638.165

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B02 - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	VII.4.1	845.904.040	61.543.151
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42	VII.4.1	4.041.425.706	3.110.299.246
3.3 Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4 Doanh thu khác về đầu tư	44	VII.3.1	98.082.534.092	3.055.602.817
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)	50		102.969.863.838	6.227.445.214
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	VII.4.2	7.858	391.011.094
4.2 Chi phí lãi vay	52	VII.3.2	184.121.115.311	105.163.767.899
4.3 Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5 Chi phí tài chính khác	55	VII.3.2	132.310.410.683	4.658.589.317
5. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	56		-	-
Cộng chi phí tài chính (50 = 51→54)	60		316.431.533.852	110.213.368.310
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VII.5	90.024.345.031	76.899.788.604
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)	70		229.537.858.270	110.937.969.457
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		VII.6		
8.1 Thu nhập khác	71		63.383.782.664	32.694.303.714
8.2 Chi phí khác	72		2.903.472.225	8.899.357.746
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		60.480.310.439	23.794.945.968
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		290.018.168.709	134.732.915.425
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		272.763.211.628	134.732.915.425
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		17.254.957.081	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	VII.7	54.667.556.031	27.004.181.279
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		54.667.556.031	27.004.181.279
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		235.350.612.678	107.728.734.146
11.1 Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		-	-
11.2 Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ (Quỹ dự trữ vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo quy định của Điều lệ Công ty là ...%)	202		-	-

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2 Lãi/(Lỗ) toàn diện khác được chia từ hoạt động đầu tư vào công ty con, đầu tư liên kết, liên doanh	302		-	-
12.3 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh	303		-	-
12.4 Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	304		-	-
12.5 Lãi/(Lỗ) từ các khoản đầu tư vào công ty con. Công ty liên kết, liên doanh chưa chia	305		-	-
12.6 Lãi/(Lỗ) đánh giá công cụ phái sinh	306		-	-
12.7 Lãi/(Lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	307		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu	401		-	-
Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát	402		-	-
XIII THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VII.7	2.426	1.111
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	VII.8	2.426	1.111

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH TIẾN

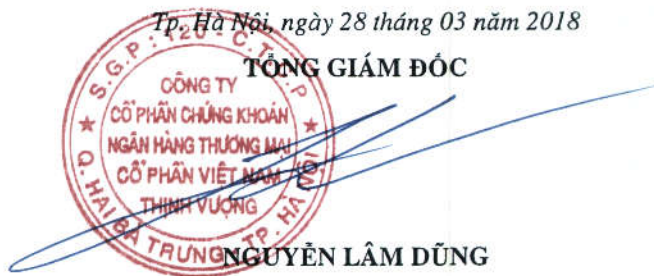
KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ NAM HƯNG

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÂM DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B03b - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	290.018.168.709	134.732.915.425
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	461.444.832.448	113.308.953.025
- Khấu hao TSCĐ	03	6.446.818.879	5.291.318.332
- Các khoản dự phòng	04	3.452.880.724	19.943.571.770
(-Lãi) hoặc (+lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06	184.121.115.311	105.163.767.899
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(4.041.425.706)	(6.165.902.063)
- Dự thu tiền lãi	08	271.465.443.240	(10.923.802.913)
- Các khoản điều chỉnh khác	09	-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	-	-
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12	-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay	13	-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14	-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15	-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16	-	-
- Lỗ khác	17	-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	-	-
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	-	-
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	20	-	-
- Lãi khác	21	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(2.425.558.615.685)	748.730.048.740
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(358.750.430.942)	(3.530.407.639)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32	(22.922.916.667)	444.550.347.243
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(467.646.304.295)	33.617.395.270
- Tăng (giảm) các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B03b - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày
27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35	(147.541.866.961)	(615.098.193.702)
(+) Tăng, (-) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36	(511.521.059.813)	63.318.079.678
(+) Tăng, (-) giảm các phải thu các dịch CTCK cung cấp	37	3.188.137.480	11.048.494.165
(+) Tăng, (-) giảm các phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38	-	-
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39	(486.015.801.264)	(136.712.603.972)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	2.844.605.656	(29.690.467.574)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	10.657.840.128	(67.388.337.232)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	(588.929.333)	3.185.793.206
(-) Thuế TNDN đã nộp	43	(46.933.059.214)	(26.398.718.773)
(-) Lãi vay đã trả	44	(147.117.747.714)	(91.212.015.320)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(176.860.775.261)	(4.248.621.842)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	113.324.341	85.219.176
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	1.269.356.840	26.986.973.352
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	-	-
(+) Tăng, (-) giảm các phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49	-	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(77.732.988.666)	1.140.217.112.704
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(1.674.095.614.528)	996.771.917.190
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	(3.567.236.362)	(11.431.344.300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62	-	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63	(31.500.000.000)	(600.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64	-	-
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(35.067.236.362)	(12.031.344.300)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B03b - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày
27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	500.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72	-	-
3. Tiền vay gốc	73	19.155.864.540.207	9.372.785.716.049
3.1 Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1	-	-
3.2 Tiền vay khác	73.2	19.155.864.540.207	9.372.785.716.049
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(18.162.223.192.588)	(9.568.514.219.049)
4.1 Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1	-	-
4.2 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2	-	-
4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3	(18.162.223.192.588)	(9.568.514.219.049)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	1.493.641.347.619	(195.728.503.000)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90	(215.521.503.271)	789.012.069.890
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	1.273.967.730.710	484.955.660.820
- Tiền	101.1	1.160.728.454.963	106.569.540.168
- Các khoản tương đương tiền	102.2	113.500.000.000	378.386.120.652
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102	(260.724.253)	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	1.058.446.227.439	1.273.967.730.710
- Tiền	103.1	1.040.780.566.196	1.160.467.730.710
- Các khoản tương đương tiền	103.2	17.665.661.243	113.500.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B03b - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		43.656.838.433.930	14.867.779.381.969
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(71.527.202.612.011)	(24.108.094.600.936)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		27.934.674.773.874	9.231.649.581.042
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		-	-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		-	-
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13		-	-
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	23.867.000.000
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		64.310.595.793	15.201.362.075
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		304.929.050.736	213.346.260.615
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		304.929.050.736	213.346.260.615
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		304.915.772.327	179.365.846.060
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		13.278.409	33.980.414.555
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		369.239.646.529	228.547.622.690
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		369.239.646.529	228.547.622.690
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý			369.191.453.907	221.902.837.779

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B03b - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày
27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong đó có kỳ hạn	42		
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	48.192.622	6.644.784.911
Trong đó có kỳ hạn		-	-
Các khoản tương đương tiền	46	-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47	-	-

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH TIẾN

LÊ NAM HƯNG

NGUYỄN LÂM DŨNG

G TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B04 - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-
BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

CÁC TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm						Số dư cuối năm	
		01/01/2016	01/01/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016		Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017		31/12/2016	31/12/2017		
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
I. Tổng cộng vốn chủ sở hữu											
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		970.000.000.000	970.000.000.000	-	-	500.000.000.000	-	970.000.000.000	1.470.000.000.000		
Vốn pháp định		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000		
Vốn bổ sung		670.000.000.000	670.000.000.000	-	-	500.000.000.000	-	670.000.000.000	1.170.000.000.000		
Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-		
Quyền chọn chuyển đổi trái		-	-	-	-	-	-	-	-		
II. Tổng cộng nợ phải trả và vốn khác của chủ sở hữu											
Nợ ngắn hạn		-	-	-	-	-	-	-	-		
Nợ dài hạn		-	-	-	-	-	-	-	-		
C. Tổng cộng tài sản		1.533.968.431	1.533.968.431	-	-	5.386.436.707	-	1.533.968.431	6.920.405.138		
Tài sản cố định		19.076.726.531	19.076.726.531	-	-	5.386.436.707	-	19.076.726.531	24.463.163.238		
Tài sản lưu động		-	-	-	-	-	-	-	-		
Tài sản vô hình		-	-	-	-	-	-	-	-		
Tài sản khác		-	-	-	-	-	-	-	-		
D. Tổng cộng lợi nhuận chưa phân phối		27.611.431.750	135.340.165.896	219.169.279.002	111.440.544.856	351.225.822.198	126.648.082.934	135.340.165.896	359.917.905.160		
Lợi nhuận sau thuế đã thực		27.611.431.750	135.340.165.896	219.169.279.002	111.440.544.856	333.970.865.117	126.648.082.934	135.340.165.896	342.662.948.079		
Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	17.254.957.081	-	-	17.254.957.081		
E. Tổng cộng tài sản và nguồn vốn		1.018.222.126.712	1.125.950.860.858	219.169.279.002	111.440.544.856	861.998.695.612	126.648.082.934	1.125.950.860.858	1.861.301.473.536		

quyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

Chi tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2016	01/01/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016		Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017		31/12/2016	31/12/2017
A	B	1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
Thu nhập toàn diện khác									
u/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài		-	-	-	-	-	-	-	-
ì chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
i, lỗ đánh giá lại TED theo		-	-	-	-	-	-	-	-
anh giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-	-
i, lỗ giao chênh lệch tỷ giá		-	-	-	-	-	-	-	-
oạt động tại nước ngoài		-	-	-	-	-	-	-	-
i, lỗ toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-
B		-	-	-	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH TIẾN

LÊ NAM HƯNG

NGUYỄN LÂM DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Mô hình hoạt động và quản lý kinh doanh của Tập đoàn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập ngày 08 tháng 12 năm 2015 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 120/GP-UBCK trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng và giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 05 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ lên 1.470.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở chính: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

3. Danh sách cổ đông lớn của Tập đoàn

Nhà đầu tư	Tỷ lệ vốn góp
Công ty TNHH Lộc Kim Sơn	23,32%

4. Danh sách công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và trụ sở chính	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	% sở hữu	Thông tin khác
Công ty TNHH VPBS (Myanmar) Trụ sở chính: No 134/A, Than Lwin Road, Golden Valley Ward 1, Bahan Township, Yangon.	Giấy phép số 580 FC do Bộ Kế hoạch và Phát triển Kinh tế Quốc gia Chính phủ Cộng hòa Liên bang Myanmar cấp ngày 21 tháng 10 năm 2013.	Nghiên cứu các điều kiện kinh tế, thương mại, phân tích ngành công nghiệp và kinh doanh.	99%	Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp vốn vào công ty con, số tiền: 535.881.668 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, công ty này chưa tiến hành các hoạt động kinh doanh.

5. Danh sách công ty con không được hợp nhất: không có.

6. Danh sách công ty liên kết: không có.

7. Những đặc điểm chính về hoạt động của Tập đoàn.

7.1. Quy mô vốn Tập đoàn: 1.470.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2. Mục tiêu đầu tư chính của Tập đoàn là:

- (i) Tối đa hóa lợi nhuận của khách hàng
- (ii) Gia tăng giá trị của các cổ đông
- (iii) Cùng phát triển với đối tác
- (iv) Chăm lo cuộc sống của cán bộ nhân viên

7.3. Hạn chế đầu tư: Tập đoàn Thực hiện theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 và mục 14, điều 1, Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung TT210/2012, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Cụ thể:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lộ lẽ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B05 - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

- Không đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

8. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

9. Tổng số nhân viên đến thời điểm lập báo cáo cuối kỳ: 286 người (tại ngày 31/12/2016: 341 người).

10. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có hai chi nhánh bao gồm:

Chi nhánh tại Tp. HCM: tại số 76 Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM.

Chi nhánh tại Đà Nẵng: tại số 112 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

11. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính hợp nhất của Tập đoàn: kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010.)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của tập đoàn.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất giữa Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con do Tập đoàn kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các tổ chức nhằm thu lại lợi ích từ hoạt động của các tổ chức này.

Khi cần thiết, việc điều chỉnh được thực hiện trên Báo cáo tài chính của các công ty con để các chính sách kế toán của các công ty con đồng bộ với các chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Tất cả các giao dịch nội bộ, liên quan đến tài sản và nợ phải trả, thu nhập và chi phí được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Thu nhập và chi phí của các công ty con mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất kể từ ngày mua hoặc và cho đến ngày bán khoản đầu tư tại công ty đó. Giá trị ghi sổ của lợi ích không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh tỷ lệ sở hữu thay đổi so với thời điểm ban đầu. Tổng thu nhập kinh doanh của các công ty con được phân bổ cho chủ hữu Tập đoàn và lợi ích không kiểm soát ngay cả giá trị này thuộc phần lợi ích không kiểm soát là số âm.

Những thay đổi trong lợi ích của chủ sở hữu Tập đoàn trong các công ty con mà không có sự mất kiểm soát đối với các công ty con được ghi nhận là các giao dịch biến động vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của lợi ích của chủ sở hữu Tập đoàn và lợi ích không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh những thay đổi về lợi ích liên quan trong các công ty con. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ đã được điều chỉnh và giá trị của khoản thanh toán cho phần lợi ích thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu và thuộc phần đóng góp vào vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

Trường hợp Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với một công ty con, lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý được xác định là chênh lệch giữa tổng giá trị của khoản thanh toán nhận được và giá trị của phần lợi ích được giữ lại và giá trị ghi sổ trước thời điểm thanh lý của tài sản (bao gồm lợi thế thương mại), nợ phải trả của công ty con đó và lợi ích không kiểm soát. Trường hợp tài sản của công ty con đó được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại hoặc giá trị và phần lãi/lỗ lũy kế từ việc đánh giá lại được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác và được ghi nhận lũy kế vào vốn chủ sở hữu, giá trị đã ghi nhận trước đó vào thu nhập toàn diện khác và đã lũy kế trên vốn chủ sở hữu được hạch toán như một giao dịch Tập đoàn trực tiếp thanh lý các tài sản liên quan (tức là phân loại sang lợi nhuận hoặc phân loại lại sang lợi nhuận giữ lại). Giá trị của khoản đầu tư giữ lại trong công ty con trước đây tại ngày mất kiểm soát được ghi nhận theo giá trị tại thời điểm ghi nhận ban đầu và được hạch toán sau ghi nhận ban đầu theo Chuẩn mực Các công cụ tài chính: Ghi nhận và xác định giá trị hoặc, nếu phù hợp, ghi nhận theo phương pháp giá gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu của một khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B05 - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng chung trong Tập đoàn: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, ngoại trừ các thay đổi sau:

Ngày 20/11/2015, Quốc Hội đã thông qua luật kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 06 năm 2003. Theo đó, Luật kế toán mới đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá trị thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán trong đó có quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý khi Luật kế toán cho phép.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung và thay thế hai phụ lục số 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC. Trong đó hướng dẫn chi tiết hơn về nguyên tắc và phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý.

Theo các quy định trên, từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017, Tập đoàn áp dụng nguyên tắc kế toán theo giá trị hợp lý các tài sản tài chính mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá trị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tập đoàn cũng trình bày lại số liệu báo cáo kỳ trước cho phù hợp với quy định mới và đảm bảo nguyên tắc có thể so sánh được giữa số liệu hai kỳ báo cáo.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tập đoàn thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (ghi nhận doanh thu tư vấn) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền gửi thanh toán) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.670 VND/USD; 27.004 VND/EUR.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B05 - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

3.1 Tiền gửi hoạt động của Tập đoàn

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán (Tài khoản ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất)

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền ký quỹ để giao dịch chứng khoán. Các khoản tiền này được gửi tại ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản đầu tư

4.1 Nguyên tắc phân loại các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Tập đoàn.

Tài sản tài chính được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày đầu tư: "Tài sản tài chính thông qua lãi và lỗ (FVTPL)", "cho vay và phải thu", "Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)" và "Khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM)".

4.1.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ, được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

Một tài sản tài chính khác với một tài sản tài chính nắm giữ để mua bán có thể được chỉ định là theo FVTPL ghi nhận ban đầu nếu:

- Các yếu tố chỉ định này hay sự suy giảm đáng kể của khoản ghi nhận hay việc đo lường không thống nhất mà nếu không sẽ phát sinh; hoặc

- Tài sản tài chính đó hình thành một phần của tài sản tài chính hoặc nợ của Tập đoàn hoặc cả hai, được quản lý và kết quả của nó được tính toán trên cơ sở giá trị hợp lý, phù hợp với chiến lược đầu tư và quản lý rủi ro sở sách của Tập đoàn, và thông tin về Tập đoàn được cung cấp nội bộ trên cơ sở đó, hoặc

- Nó thành một phần của một hợp đồng chứa đựng một hay nhiều phái sinh đính kèm và phù hợp với IAS - 39 Các công cụ Tài chính: Ghi nhận và xác định giá trị, cho phép toàn bộ hợp đồng hỗn hợp được chỉ định là theo FVTPL.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá gốc (là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh, không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi lỗ và được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính thuộc nhóm khác khi bán cần phải phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

4.1.2 Tài sản tài chính AFS:

Tài sản tài chính không phải sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

4.1.3 Tài sản tài chính HTM:

Khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn là tài sản tài chính không phải sinh với việc chi trả là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Tập đoàn có ý định tích cực và khả năng nắm giữ tới ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phải sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phải sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phải sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ thì các tài sản tài chính HTM phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải xác định lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

4.1.4 Cho vay và phải thu:

Tài sản tài chính không phải sinh với việc hoàn trả lại là cố định khi xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B05 - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Sau ghi nhận ban đầu các khoản cho vay phải được xác định giá trị theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ:

- Các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.
- Các công cụ nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận.
- Các hợp đồng bảo lãnh tài chính.
- Các cam kết cung cấp các khoản cho vay với lãi suất thấp hơn mức lãi suất thị trường.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư

4.2.1 Đối với Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết có thị trường hoạt động:

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Cổ phiếu niêm yết có thị trường hoạt động bị hạn chế:

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

4.2.2 Đối với trái phiếu niêm yết

Đối với trái phiếu niêm yết giá đánh giá lại là giá niêm yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất.

4.2.3 Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ

Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ việc đánh giá lại các tài sản tài chính này theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Tập đoàn được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.2.4 Đối với khoản đầu tư cho vay

Đối với khoản đầu tư cho vay cần đánh giá tại ngày lập báo cáo tài chính xem có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự suy giảm giá trị của một hoặc một nhóm tài sản tài chính cho vay. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này thì Tập đoàn phải ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng cho các khoản cho vay được tính bằng mức chênh lệch giữa giá trị sổ sách của khoản cho vay và giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay tại ngày lập báo cáo tài chính.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Tập đoàn xem xét đánh giá tình hình suy giảm giá trị tài sản tài chính HTM. Nếu phát sinh giá trị suy giảm thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đã lập.

Đối với tài sản tài chính HTM: Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Tập đoàn phải ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất - Phần lãi/lỗ.

Đối với các tài sản tài chính AFS: Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị hợp lý của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính AFS hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Tập đoàn phải xác định giá trị hợp lý của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị và ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

5.1 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về đầu tư:

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

5.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính:

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Tập đoàn (không qua các Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi qua chỉ tiêu " Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Tập đoàn qua các Sở giao dịch chứng khoán sử dụng tài khoản 321- Bù trừ và thanh toán giao dịch các tài sản tài chính và không được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

5.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Tất cả các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Tập đoàn phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được xem xét trích lập dự phòng rủi ro ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng rủi ro được quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Quá hạn từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm: 30%

Quá hạn từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm: 50%

Quá hạn từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm: 70%

Quá hạn từ ba (03) năm trở lên: 100%

6. Nguyên tắc phân loại và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả:

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính khác đo lường theo chi phí phân bổ.

6.1 Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả.

6.2 Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân loại theo FVTPL thì được xác định theo chi phí phân bổ.

6.2.1 Ghi nhận và xác định giá trị

Tập đoàn ghi nhận các tài sản tài/nợ chính tại ngày mua bán (ngày hợp đồng cho mua bán). Tất cả các loại công cụ tài chính, ngoại trừ tài sản/nợ tài chính theo FVTPL, được đo lường theo giá trị vào thời điểm ghi nhận ban đầu cộng với các chi phí giao dịch mà góp phần trực tiếp vào việc thu tóm (chi phí phát hành). Tài sản/nợ tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá trị và chi phí giao dịch góp phần trực tiếp vào việc thu tóm (chi phí phát hành) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tài sản/nợ tài chính theo FVTPL và tài sản tài chính AFS theo đó được đo lường theo giá trị hợp lý. Tài sản tài chính HTM, các khoản cho vay và phải thu và các khoản nợ tài chính khác được đo lường theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp tỷ lệ lãi suất thực. Lãi hay lỗ nảy sinh từ những thay đổi trong giá trị của tài sản/nợ tài chính theo FVTPL được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời kỳ mà nó nảy sinh. Những thay đổi về giá trị của chứng khoán tiền tệ và phi tiền tệ, được phân loại là các tài sản tài chính AFS, được ghi nhận trong thu nhập kết quả hoạt động khác.

Thu nhập cổ tức từ các tài sản tài chính theo FVTPL là các tài sản tài chính AFS được ghi nhận trong thu nhập thuần khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản tài chính AFS ghi nhận việc điều chỉnh giá trị lũy kế, mà trước đó được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu, trong thu nhập thuần khi chuyển nhượng tài sản hoặc ghi nhận lỗ giảm giá.

6.2.2 Dừng ghi nhận tài sản và nợ tài chính

Tập đoàn dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản đó cho CTCK khác. Nếu Tập đoàn không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Tập đoàn ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Tập đoàn dừng ghi nhận nợ tài chính khi và chỉ khi nghĩa vụ của Tập đoàn đã được miễn hủy hoặc hết hạn.

6.2.3 Giá trị của tài sản và nợ tài chính

Các công cụ phái sinh, tài sản và nợ tài chính nắm giữ để mua bán, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Giá trị là khoản tiền mà một tài sản có thể trao đổi, hay một khoản nợ được tất toán giữa các bên hiểu biết và sẵn sàng tham gia giao dịch một cách công bằng.

Giá trị của các công cụ tài chính niêm yết trên các thị trường hoạt động được dựa trên cơ sở giá chào mua. Nếu không có thị trường hoạt động cho một công cụ tài chính, Tập đoàn thiết lập giá trị thông qua việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Phương thức này bao gồm việc sử dụng các giao dịch thị trường gần nhất, có tham khảo giá trị hiện hành của các giao dịch tương tự và phân tích dòng tiền chiết khấu.

7. Bù trừ công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

8.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Máy móc, thiết bị</i>	3 - 6 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	6 - 8 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	3 - 14,5 năm
<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	3 - 5 năm
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	5 - 10 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu được theo dõi và hạch toán chi tiết các nội dung bao gồm mệnh giá trái phiếu phát hành, các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc các khoản phụ trội (nếu có). Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí tài chính từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu. Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để tính giảm trừ chi phí tài chính đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu. Tổng giá trị các khoản vay bằng phát hành trái phiếu được tính trên cơ sở tổng mệnh giá trái phiếu trừ (-) đi khoản tổng các khoản chiết khấu (nếu có) và cộng (+) thêm tổng các khoản phụ trội (nếu có).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận khoản dự phòng nếu nó có một nghĩa vụ hiện tại hoặc nghĩa vụ hợp đồng là kết quả của sự kiện trong quá khứ, nó có thể là một luồng tiền ra của nguồn tiền sẽ được yêu cầu để thiết lập nghĩa vụ, và số tiền cho nghĩa vụ đó được ước tính đáng tin cậy. Các khoản dự phòng không được ghi nhận cho khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Tập đoàn ghi nhận khoản dự phòng liên quan tới bảo lãnh thanh toán và kiện tụng. Trường hợp Tập đoàn được yêu cầu khôi phục một tài sản cho thuê mà đã được sử dụng là một chi nhánh, với một điều kiện đã thỏa thuận sau khi điều khoản hợp đồng hết hạn, giá trị hiện tại của số tiền kỳ vọng được sử dụng để xử lý, để ngừng hoạt động hoặc để sửa chữa cơ sở vật chất là một nghĩa vụ pháp lý của tài sản.

13. Ghi nhận thu nhập và chi phí từ lãi

Tập đoàn ghi nhận thu nhập và chi phí từ lãi từ các tài sản tài chính HTM được đo lường theo giá trị phân bổ, khoản cho vay và phải thu, và khoản nợ tài chính khác theo giá trị phân bổ trên cơ sở dồn tích sử dụng phương pháp tỷ lệ lãi suất thực.

14. Lợi ích nhân viên

- Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Tập đoàn khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Tập đoàn phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng. Ngoài ra, Tập đoàn không phải có một nghĩa vụ nào khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các thù lao khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 49 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Tập đoàn đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ theo các qui định của Luật Lao động và mức độ chi trả trợ cấp thôi việc trong các năm qua. Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Tập đoàn không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

- Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Tập đoàn không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B05 - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay (vay hợp đồng tín dụng và vay bằng phát hành trái phiếu) và các khoản chi phí phải trả khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận tuân thủ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 và căn cứ vào điều lệ Tập đoàn, được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Cụ thể:

Lợi nhuận thực hiện trong năm của Tập đoàn sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp phải: trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; trích 5% vào quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Việc phân chia lợi nhuận còn lại do Đại hội cổ đông quyết định. Mức trích tối đa đối với mỗi quỹ (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ) không quá 10% vốn điều lệ.

18. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B05 - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

18.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

a. Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM

Thu nhập từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán đã bán ra.

Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán, ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Tập đoàn được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành.

Cổ phiếu thường chỉ ghi tăng số lượng mà không ghi tăng doanh thu.

18.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho Tập đoàn khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán là mức phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán là khoản phí thu được của khách hàng về cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi cho các khách hàng.

19. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí của Tập đoàn

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B05 - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi không kỳ hạn, phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu chính phủ và lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí lãi vay, phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu chính phủ và lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn luôn đối mặt với các rủi ro tài chính, do đó Tập đoàn phải phân tích và đánh giá mức độ phức tạp của rủi ro, xác định mức độ rủi ro và Tập đoàn có thể chấp nhận và quản trị các rủi ro này.

Quy trình quản trị rủi ro của Tập đoàn bao gồm việc đặt ra các cải tiến cho chất lượng tài sản và danh mục đầu tư nắm giữ dựa trên việc ra các quyết định nhằm tránh và hạn chế các rủi ro thông qua việc nhận biết nguyên nhân của các rủi ro tiềm ẩn và phạm vi ảnh hưởng của nó.

Tập đoàn sử dụng phương thức nhằm tối thiểu hoá rủi ro và tối đa hoá lợi nhuận thông qua việc quản trị rủi ro ở mức có thể chấp nhận được, loại trừ rủi ro quá mức của các công cụ tài chính. Để đạt được mục đích này, Tập đoàn thiết lập và thực hiện các thủ tục: phát hiện rủi ro, đo lường và đánh giá, kiểm soát, giám sát và báo cáo.

1. Rủi ro tín dụng

1.1 Tổng giá trị các khoản tài sản chịu rủi ro tín dụng

Tài sản tài chính	Đối tác	31/12/2017	01/01/2017
	Các tổ chức tín dụng	2.581.843.017	2.339.419.985
Các khoản cho vay và phải thu	Doanh nghiệp	2.094.311.101.982	1.534.874.547.551
	Cá nhân	2.530.676.524.005	1.113.802.224.149
	Cộng	4.627.569.469.004	2.651.016.191.685
Tài sản tài chính định giá theo FVTPL	Chứng khoán vốn và chứng khoán nợ nắm giữ để kinh doanh	731.636.778.908	372.886.347.966
	Cộng	731.636.778.908	372.886.347.966
	Tổng cộng	5.359.206.247.912	3.023.902.539.651

1.2 Rủi ro tín dụng các khoản cho vay và phải thu (xem trang 48 & trang 49)

2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro tổn thất tài sản tài chính từ các giao dịch mua bán do sự biến động của các nhân tố thị trường như: lãi suất, giá chứng khoán và tỷ giá hối đoái.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường: Đối với hoạt động tự doanh, tập đoàn sử dụng các phán đoán để phòng tránh và hạn chế rủi ro bằng cách nhận diện nguồn gốc rủi ro. Đo lường các tham số và đánh giá sự phù hợp của các tham số thông qua hoạt động phân tích và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Cổ phiếu niêm yết	16.519.833.930	24.842.474.484
Cổ phiếu chưa niêm yết	22.240.897.200	14.690.897.200
Trái phiếu chưa niêm yết	231.302.959.222	23.112.481.264
Công cụ thị trường tiền tệ	461.573.088.556	310.240.495.018
Cộng	731.636.778.908	372.886.347.966

2. Các khoản cho vay

a. Chi tiết số dư

	31/12/2017	01/01/2017
Cho vay Margin	1.213.458.562.384	745.812.258.089
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	1.189.555.693.462	729.171.596.946
	23.902.868.922	16.640.661.143

b. Biến động dự phòng rủi ro tín dụng các khoản cho vay

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng rủi ro tín dụng đầu kỳ	10.309.996.458	5.015.792.928
Dự phòng rủi ro tín dụng trích lập trong kỳ	3.452.880.724	5.294.203.530
Dự phòng rủi ro tín dụng hoàn nhập trong kỳ	-	-
Dự phòng rủi ro tín dụng cuối kỳ	13.762.877.182	10.309.996.458

3. Tài sản cố định hữu hình (xem trang 50)

4. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	17.432.786.164	17.432.786.164
Mua trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	17.432.786.164	17.432.786.164

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN
 (Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	17.311.736.449	17.311.736.449
Khấu hao trong kỳ	63.469.166	63.469.166
Số dư cuối kỳ	17.375.205.615	17.375.205.615

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	121.049.715	121.049.715
Số dư cuối kỳ	57.580.549	57.580.549

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.252.786.164 VND

5. Tài sản khác

5.1 Tài sản ngắn hạn

31/12/2017 **01/01/2017**

a. Tạm ứng

Tạm ứng phải thu	18.771.672.164	39.083.344.283
Cộng	18.771.672.164	39.083.344.283

b. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ

Công cụ dụng cụ	60.060.909	120.909.090
Cộng	60.060.909	120.909.090

c. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	94.681.888	129.580.757
Chi phí chờ phân bổ khác	1.378.463.224	958.708.033
Cộng	1.473.145.112	1.088.288.790

d. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

Đặt cọc thực hiện hợp đồng	7.982.433.975	2.244.973.975
Cộng	7.982.433.975	2.244.973.975
Tổng cộng tài sản ngắn hạn	28.287.312.160	42.537.516.138

5.2 Tài sản dài hạn

31/12/2017 **01/01/2017**

a. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ khác	204.073.011	-
Cộng	204.073.011	-

b. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu	3.638.079.146	3.638.079.146
Tiền nộp bổ sung	9.809.842.053	8.048.812.971
Tiền lãi phân bổ hàng năm	2.142.591.001	2.142.591.001
Cộng	15.590.512.200	13.829.483.118

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Tài sản dài hạn khác

Tiền nộp quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh	10.000.000.000	-
Tiền nộp bổ sung	-	-
Tiền lãi phân bổ hàng năm	29.425.562	-
Cộng	10.029.425.562	-
Tổng cộng tài sản dài hạn	25.824.010.773	13.829.483.118

6. Tiền gửi của khách hàng ("Tiền gửi")

Chi tiết tiền gửi để sử dụng như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Tiền gửi của khách hàng cho nghiệp vụ môi giới	1.136.206.890.430	304.915.772.327
Cộng	1.136.206.890.430	304.915.772.327

7. Khoản vay (xem trang 51)

8. Trái khoán (xem trang 52)

9. Nợ tài chính khác

Các khoản nợ tài chính khác như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Phải trả khách hàng	548.290.162	-
Chi phí phải trả	77.087.547.888	29.426.340.163
Các khoản phải trả khác, gồm:	1.696.805.467	111.094.575.649
(i) Phải trả về hợp đồng môi giới mua CK	-	110.107.200.000
(ii) Phải trả nhà đầu tư	756.621.738	117.120.931
(iii) Các khoản phải trả, phải nộp khác	940.183.729	870.254.718
Tổng cộng	79.332.643.517	140.520.915.812

10. Vốn cổ phần và vốn đã góp khác

Vốn cổ phần và vốn đã góp khác chi tiết như sau

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Cổ phiếu thường	970.000.000.000	970.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	500.000.000.000	-
Cộng	1.470.000.000.000	970.000.000.000
Thặng dư vốn	-	-
Tổng cộng	1.470.000.000.000	970.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi tiết về vốn cổ phần của Tập đoàn như sau

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu được cấp phép	147.000.000	97.000.000
Mệnh giá	10.000	10.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	147.000.000	97.000.000
(i) Cổ phiếu phổ thông	97.000.000	97.000.000
(ii) Cổ phiếu ưu đãi	50.000.000	-

12. Thu nhập giữ lại

Thu nhập giữ lại bao gồm như sau

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Quỹ dự trữ theo điều lệ	6.920.405.138	1.533.968.431
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	24.463.163.238	19.076.726.531
Thu nhập giữ lại không phân phối	359.917.905.160	135.340.165.896
Thu nhập giữ lại khác	-	-
Tổng cộng	391.301.473.536	155.950.860.858

VII. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

1. Thu nhập và chi phí

1.1 Thu nhập phí bao gồm

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Phí nghiệp vụ môi giới	87.300.860.903	43.686.939.529
Phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành	1.344.415.110	2.891.069.990
Phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	10.864.261.781	38.324.011.807
Phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	280.202.122.544	156.520.380.000
Cộng	379.711.660.338	241.422.401.326

1.2 Chi phí bao gồm

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	86.929.332.015	66.444.928.701
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành	100.000.000	-
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3.793.311.803	8.174.160.693
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	7.001.384.686	10.728.685.065
Cộng	97.824.028.504	85.347.774.459

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Lãi (lỗ) công cụ tài chính theo FVTPL

2.1 Chi tiết về khoản lãi về thay đổi giá trị và chuyển nhượng công cụ tài chính theo FVTPL như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Bán tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ FVTPL	1.450.507.906.970	268.644.210.676
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ	13.735.148.406	-
Cộng	1.464.243.055.376	268.644.210.676

2.2 Chi tiết về khoản lỗ về thay đổi giá trị và chuyển nhượng công cụ tài chính theo FVTPL như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Bán tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ FVTPL	1.141.701.881.397	1.098.940.102.716
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ	(3.519.808.675)	29.751.689.239
Cộng	1.138.182.072.722	1.128.691.791.955

3. Thu nhập và chi phí tiền lãi

3.1 Chi tiết về thu nhập tiền lãi bao gồm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Lãi về cho vay ký quỹ (Margin)	108.399.611.697	79.772.193.508
Lãi về khoản ứng trước tiền bán	2.024.066.142	1.076.811.389
Tiền lãi từ các tài sản HTM	109.655.726.932	60.923.150.794
Lãi từ hoạt động repo trái phiếu Chính phủ	98.082.534.092	3.055.602.817
Lãi từ các tài sản FVTPL	(271.465.443.240)	883.908.962.609
Cộng	46.696.495.623	1.028.736.721.117

3.2 Chi tiết về chi phí tiền lãi bao gồm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Lãi vay	184.121.115.311	105.163.767.899
Chi phí lãi hoạt động repo trái phiếu Chính phủ	132.310.410.683	4.658.589.317
Cộng	316.431.525.994	109.822.357.216

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Mẫu số B05 - CTCK/HN(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Doanh thu hoạt động tài chính/Chi phí tài chính**4.1 Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm như sau:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ	845.904.040	61.543.151
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.041.425.706	3.110.299.246
Cộng	4.887.329.746	3.171.842.397

4.2 Chi phí tài chính bao gồm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ	7.858	391.011.094
Cộng	7.858	391.011.094

5. Chi phí quản lý Tập đoàn (chi phí chung và chi phí hành chính)

Chi tiết về chi phí quản lý Tập đoàn như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Lương	53.734.531.388	31.344.861.209
(i) Lương	50.802.014.750	28.717.574.537
(ii) Các khoản trích theo lương	2.932.516.638	2.627.286.672
Cộng	53.734.531.388	31.344.861.209
Khấu hao	3.348.163.672	2.658.022.072
Chi phí chung và chi phí hành chính khác	32.941.649.971	42.896.905.323
Thuế, lệ phí	4.244.419.158	3.854.109.856
In ấn, công cụ và văn phòng phẩm	658.462.479	1.119.704.885
Dự phòng phải thu	-	19.943.571.770
Chi phí khác	28.038.768.334	17.979.518.812
Cộng	90.024.345.031	76.899.788.604

6. Thu nhập (chi phí) khác

Chi tiết về thu nhập khác như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Thu phạt	54.263.071.268	32.285.441.761
Thu nhập khác	9.120.711.396	408.861.953
Cộng	63.383.782.664	32.694.303.714

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiết về chi phí hoạt động khác như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí phạt theo hợp đồng	2.803.472.225	8.897.957.746
Chi phí phạt hành chính	100.000.000	1.400.000
Cộng	2.903.472.225	8.899.357.746

7. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi tiết về chi phí thuế TNDN như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Thuế TNDN phải trả hiện hành	54.667.556.031	27.716.955.394
Thay đổi về thuế TNDN giữ lại do chênh lệch tạm thời	-	-
Thay đổi về thuế TNDN giữ lại trực tiếp vào vốn cổ phần	-	-
Điều chỉnh ghi nhận trong kỳ có thuế hiện hành của các kỳ trước	-	(712.774.115)
Chi phí thuế TNDN	54.667.556.031	27.004.181.279

8. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)

EPS cơ bản được tính toán bằng cách chia thu nhập thuần cho số lượng trung bình trọng cổ phiếu phổ thông lưu hành.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập thuần cho vốn cổ phần kiểm soát	235.350.612.678	107.728.734.146
Cổ tức đối với cổ phiếu ưu đãi	-	-
Thu nhập thuần cho cổ phiếu phổ thông	235.350.612.678	107.728.734.146
Số trung bình trọng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.	97.000.000	97.000.000
EPS cơ bản	2.426	1.111

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu thuyết minh trên chưa trừ cho các khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại khi có nghị quyết của đại hội cổ đông về trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận.

(*) Không có tác động nào làm pha loãng các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B05 - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với bên liên quan

Các bên liên quan của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập của HĐQT và TGD	960.082.070	746.928.000
Thù lao HĐQT và BKS	204.409.091	194.400.000
Cộng	1.164.491.161	941.328.000

3. Thông tin so sánh (xem trang 47)

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH TIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ NAM HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÂM DŨNG

ÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của TT 334/2016/TT-BTC và luật kế số 88/2015/QH13 áp dụng cho năm tài chính hiện hành.

3.3.1 Trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2016		31/12/2016		Chênh lệch
		(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	1.290.608.391.853		1.273.967.730.710	(16.640.661.143)	
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	396.184.988.329		372.886.347.966	(23.298.640.363)	
Các khoản cho vay	114	729.171.596.946		745.812.258.089	16.640.661.143	
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	(33.608.636.821)		(10.309.996.458)	23.298.640.363	
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	1.373.853.562.149		111.094.575.649	(1.262.758.986.500)	
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332	-		1.262.758.986.500	1.262.758.986.500	

3.3.2 Trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016		Năm 2016		Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Chênh lệch giám đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2	-		29.751.689.239	29.751.689.239	
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24	30.410.348.650		658.659.411	(29.751.689.239)	

3.3.3 Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016		Năm 2016		Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Các khoản dự phòng	04	49.695.261.009		19.943.571.770	(29.751.689.239)	
Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(33.282.096.878)		(3.530.407.639)	29.751.689.239	
Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	50.258.056.413		33.617.395.270	(16.640.661.143)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Rủi ro tín dụng các khoản cho vay và phải thu (tiếp theo)

Giá trị rủi ro tín dụng của các khoản cho vay và phải thu theo tình trạng tín dụng như sau:

STT	Tình trạng	31/12/2017				Tổng
		Chính phủ	Các tổ chức tín dụng	Doanh nghiệp	Cá nhân	
1	Chưa quán hạn và không bị suy giảm	-	2.581.843.017	2.094.311.101.982	2.525.798.731.077	4.622.691.676.076
2	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-	-	-	-
3	Đã suy giảm giá trị	-	-	-	4.877.792.928	4.877.792.928
4	Dự phòng rủi ro tín dụng	-	-	-	4.877.792.928	4.877.792.928
	Giá trị thuần	-	2.581.843.017	2.094.311.101.982	2.525.798.731.077	4.622.691.676.076

STT	Tình trạng	01/01/2017				Tổng
		Chính phủ	Các tổ chức tín dụng	Doanh nghiệp	Cá nhân	
1	Chưa quán hạn và không bị suy giảm	-	2.339.419.985	1.534.874.547.551	1.097.161.563.006	2.634.375.530.542
2	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-	-	-	-
3	Đã suy giảm giá trị	-	-	-	4.877.792.928	4.877.792.928
4	Dự phòng rủi ro tín dụng	-	-	-	4.877.792.928	4.877.792.928
	Giá trị thuần	-	2.339.419.985	1.534.874.547.551	1.097.161.563.006	2.634.375.530.542

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.2 Rủi ro tín dụng các khoản cho vay và phải thu (tiếp theo)

Chất lượng tín dụng

Tập đoàn quản trị các khoản cho vay và phải thu chưa quá hạn và không suy giảm giá trị thông qua hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Chất lượng tín dụng được thể hiện như sau:

STT	Tình trạng	31/12/2017			
		Chính phủ	Các tổ chức tín dụng	Doanh nghiệp	Cá nhân
1	Đạt tiêu chuẩn	-	2.581.843.017	2.094.311.101.982	2.525.798.731.077
2	Không đạt tiêu chuẩn	-	-	-	4.877.792.928
	Tổng cộng	-	2.581.843.017	2.094.311.101.982	2.530.676.524.005
	Giá trị tài sản đảm bảo	-	-	-	-

STT	Tình trạng	01/01/2017			
		Chính phủ	Các tổ chức tín dụng	Doanh nghiệp	Cá nhân
1	Đạt tiêu chuẩn		2.339.419.985	1.534.874.547.551	1.097.161.563.006
2	Không đạt tiêu chuẩn	-	-	-	4.877.792.928
	Tổng cộng	-	2.339.419.985	1.534.874.547.551	1.102.039.355.934
	Giá trị tài sản đảm bảo	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	867.031.538	12.411.236.700	31.750.201.753	245.977.000	45.274.446.991
<i>Mua trong kỳ</i>	-	2.503.020.000	1.064.216.362	-	3.567.236.362
Số dư cuối kỳ	867.031.538	14.914.256.700	32.814.418.115	245.977.000	48.841.683.353
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	823.536.164	1.843.180.860	21.491.725.311	232.598.461	24.391.040.796
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	26.156.942	2.045.244.230	4.301.546.197	10.402.344	6.383.349.713
Số dư cuối kỳ	849.693.106	3.888.425.090	25.793.271.508	243.000.805	30.774.390.509
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	43.495.374	10.568.055.840	10.258.476.442	13.378.539	20.883.406.195
Số dư cuối kỳ	17.338.432	11.025.831.610	7.021.146.607	2.976.195	18.067.292.844

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.574.183.487 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

A. Khoản vay

Nội dung	Đơn vị cho vay	Lãi suất vay (%)	Số tiền
Vay ngắn hạn			1.259.230.555.619
	Ngân Hàng TMCP Bảo Việt - Sở GD	6,8%/năm	270.000.000.000
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5,2%/năm	989.230.555.619
	Ngân Hàng TMCP Bản Việt	6,7%-7%/năm	-
	Ngân Hàng TNHH INDOVINA	6%/năm	-
Vay dài hạn			4.682.289.000
	Ngân Hàng TMCP Bản Việt	6,7%-7%/năm	4.682.289.000
Cộng			1.263.912.844.619

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05 - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 344 /2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

CHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Trái khoán

Trái phiếu thường

STT	Chỉ tiêu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%)	31/12/2017	01/01/2017
1	Trái phiếu phát hành	20/04/2015	20/04/2017	9%	-	400.000.000.000
2	Trái phiếu phát hành	15/05/2015	15/05/2017	7.5%	-	30.000.000.000
3	Trái phiếu phát hành	21/04/2016	21/04/2018	9%	50.000.000.000	50.000.000.000
4	Trái phiếu phát hành	08/06/2016	08/06/2018	9%	300.000.000.000	300.000.000.000
5	Trái phiếu phát hành	29/09/2016	29/09/2018	9%	50.000.000.000	50.000.000.000
6	Trái phiếu phát hành	13/10/2016	13/10/2018	9%	20.000.000.000	20.000.000.000
7	Trái phiếu phát hành	14/12/2016	14/12/2018	9%	206.000.000.000	220.000.000.000
8	Trái phiếu phát hành	31/03/2017	31/03/2019	9%	250.000.000.000	-
9	Trái phiếu phát hành	04/04/2017	04/04/2018	9%	-	-
10	Trái phiếu phát hành	14/06/2017	14/06/2019	9%	20.000.000.000	-
11	Trái phiếu phát hành	24/10/2017	24/10/2019	9%	338.000.000.000	-
12	Trái phiếu phát hành	06/11/2017	06/11/2019	9%	200.000.000.000	-
13	Trái phiếu phát hành	08/12/2017	08/12/2019	9%	250.000.000.000	-
	Tổng Cộng				1.684.000.000.000	1.070.000.000.000